

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/PHEVA/2024



I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH MTV BÁNH KẸO PHEVA

Địa chỉ: Lô số 2, KCN Điện Nam-Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Điện thoại: 0906 545 260

E-mail: info@phevaworld.com

Mã số doanh nghiệp: 4001137910

Số giấy chứng nhận ISO 22000:2018 : 9199293433433 - FSMS. Ngày chứng nhận: 15/05/2024.

Ngày hết hạn: 14/05/2027. Nơi cấp: Công ty cổ phần chứng nhận và giám định quốc tế ISOCERT.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sôcôla Dâu Tây

2. Thành phần: Đường, Bơ cacao, Dâu tây sấy dẻo, Sữa bột, Bột dâu tây, Chất nhũ hoá (322(i)), Hương vani tự nhiên.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 5g, 15g, 30g, 35g, 60g, 120g, 500g hoặc tùy theo yêu cầu khách hàng

- Sản phẩm được bao gói bằng giấy nhôm, PE, PP. Sau đó được bao gói bởi giấy hoặc túi PE, PP.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH MTV Bánh Kẹo Pheva đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	5
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	15

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
2	Arsen (As)	mg/kg	1,0
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05



- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định về giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm cho các chỉ tiêu vi sinh vật :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	50.000
2	Tổng số bào tử nấm men - nấm	CFU/g	500
3	Coliforms	CFU/g	10
4	E. Coli	CFU/g	Không có
5	Staphylococcus aureus	CFU/g	Không có
6	Clostridium perfringens	CFU/g	Không có
7	Bacillus cereus	CFU/g	Không có
8	Salmonella	CFU/25g	Không có

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Nam, ngày 21 tháng 05 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

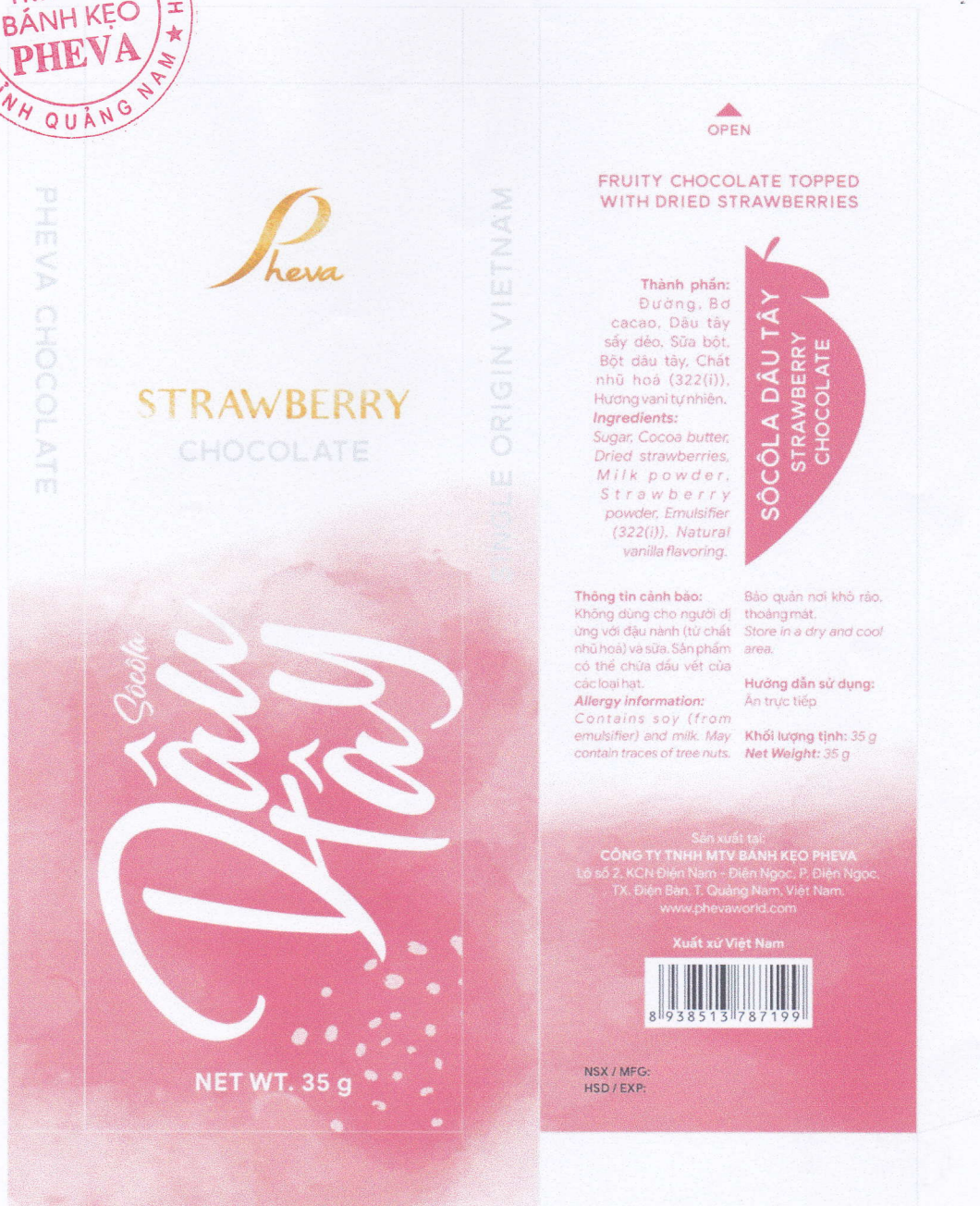
(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
**NGUYỄN CỬU NAM PHƯƠNG**



## MẪU NHÃN SẢN PHẨM



PHEVA CHOCOLATE

Pheva

STRAWBERRY  
CHOCOLATE

Sôcô la  
Dau Hay

NET WT. 35 g

100% SINGLE ORIGIN VIETNAM

▲  
OPEN

FRUITY CHOCOLATE TOPPED  
WITH DRIED STRAWBERRIES

**Thành phần:**  
Đường, Bơ  
cacao, Dầu tây  
sấy dẻo, Sữa bột,  
Bột dầu tây, Chất  
nhũ hoá (322(i)),  
Hương vani tự nhiên.  
**Ingredients:**  
Sugar, Cocoa butter,  
Dried strawberries,  
Milk powder,  
Strawberry  
powder, Emulsifier  
(322(i)), Natural  
vanilla flavoring.



**Thông tin cảnh báo:**  
Không dùng cho người dị  
ứng với đậu nành (từ chất  
nhũ hoá) và sữa. Sản phẩm  
có thể chứa dấu vết của  
các loại hạt.  
**Allergy information:**  
Contains soy (from  
emulsifier) and milk. May  
contain traces of tree nuts.

Bảo quản nơi khô ráo,  
thoáng mát.  
Store in a dry and cool  
area.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Ăn trực tiếp

Khối lượng tịnh: 35 g  
Net Weight: 35 g

Sản xuất tại:  
CÔNG TY TNHH MTV BÁNH KẸO PHEVA  
Lô số 2, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Ngọc,  
TX. Điện Bàn, T. Quảng Nam, Việt Nam.  
www.phevaworld.com

Xuất xứ Việt Nam



NSX / MFG:  
HSD / EXP:



Số: 275.13-K2 /1312/KT2-HC2

Ngày: 04/4/2024

Trang: 1/2

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu: **SÔCÔLA DẦU TÂY**
- Ký hiệu mẫu: /
- Số lượng mẫu: 01
- Tình trạng mẫu: Mẫu gồm 10 thanh, khoảng 280 g, được chứa trong bao nilon
- Khách hàng: CÔNG TY TNHH MTV BÁNH KẸO PHEVA
- Địa chỉ: Lô số 2, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu: 19/3/2024
- Ngày thử nghiệm: từ ngày: 19/3/2024 đến ngày: 04/4/2024
- Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
1	Hàm lượng Pb mg/kg	AOAC 999.11	<0,05 (MQL)
2	Hàm lượng Cd mg/kg	AOAC 999.11	<0,05 (MQL)
3	Hàm lượng As mg/kg	AOAC 986.15	<0,05 (MQL)
4	Hàm lượng Hg mg/kg	AOAC 971.21	<0,05 (MQL)
5	Hàm lượng Aflatoxin B1 µg/kg	AOAC 991.31	KPH (MDL = 0,5)
6	Hàm lượng Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2) µg/kg	AOAC 991.31	KPH (MDL = 1,0)
7	Tổng số vi sinh vật hiếu khí CFU/g	TCVN 4884-1:2015	3,0 x 10 <sup>1</sup>
8	Coliforms CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (< 10)
9	E.coli CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (< 10)
10	Bacillus cereus giả định CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH (< 10)





Số: 275.13-K2 /1312/KT2-HC2

Ngày: 04/4/2024

Trang: 2/2

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	
11	<i>Staphylococci</i> có phản ứng dương tính với Coagulase ( <i>S.aureus</i> và các loài khác)	CFU/g	ISO 6888-1:2021	KPH (< 10)
12	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (< 10)
13	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	TCVN 8275-1:2010	KPH (< 10)
14	<i>Salmonella</i>	-	TCVN 10780-1:2017	Âm tính/ 25 g

**Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi đến;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./.



KT. TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG, PHỤ TRÁCH

Võ Thị Bích Thủy

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Như Loan

